VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 311/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

"**Điều 7. Phương thức thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên**

1. Giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng: Địa phương giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cơ sở đào tạo thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên theo kế hoạch

được phê duyệt. Việc giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên thực hiện theo quy định hiện hành về giao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Đối với các ngành hoặc chuyên ngành không đủ điều kiện mở lớp đào tạo theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều này, giáo viên chủ động đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo công lập theo quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"**Điều 8. Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên**

1. Kế hoạch 5 năm theo lộ trình 2026 - 2030 theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định này

a) Đơn vị xây dựng kế hoạch: Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Đơn vị nhận kế hoạch: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Căn cứ xây dựng kế hoạch: Số lượng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc đối tượng nâng trình độ chuẩn được đào tạo tại thời điểm xây dựng kế hoạch; chỉ tiêu cần đạt quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định này;

d) Thời hạn ban hành kế hoạch: Kế hoạch 5 năm theo lộ trình 2026 - 2030 được ban hành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025;

đ) Phương thức gửi kế hoạch: Kế hoạch được thể hiện bằng văn bản điện tử bảo đảm quy định của pháp luật và được gửi về đơn vị nhận kế hoạch qua hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

2. Kế hoạch hằng năm thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (sau đây gọi là kế hoạch thực hiện hằng năm) theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định này

a) Đơn vị xây dựng kế hoạch: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Đơn vị nhận kế hoạch: Bộ Giáo dục và Đào tạo; cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có giáo viên đăng ký đào tạo nâng trình độ chuẩn; cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng và các đơn vị có liên quan;

c) Căn cứ xây dựng kế hoạch: Nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của cơ sở giáo dục; chỉ tiêu cần đạt quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định này;

d) Thời hạn ban hành kế hoạch: Trước ngày 15 tháng 12 của năm trước liền kề với năm thực hiện;

đ) Phương thức gửi kế hoạch: Kế hoạch được thể hiện bằng văn bản điện tử bảo đảm quy định của pháp luật và được gửi về đơn vị nhận kế hoạch qua hệ thống quản lý tài liệu điện tử."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

"**Điều 9. Kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên**

1. Kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên (công lập, dân lập, tư thục) do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập dự toán, phân bổ, giao dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành về giao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này, cơ sở giáo dục nơi giáo viên công tác có trách nhiệm lập dự toán kinh phí, gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và thực hiện chi trả cho giáo viên kinh phí đào tạo bằng mức thu học phí theo hóa đơn hoặc chứng từ hợp pháp của cơ sở đào tạo sau khi được cấp bằng tốt nghiệp.

4. Các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục bảo đảm kinh phí để chi trả lương và các chế độ, phụ cấp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định này cho giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

"1. Quyền của giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn:

a) Được cơ quan quản lý, sử dụng tạo điều kiện tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn;

b) Được thanh toán tiền học phí bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo nơi giáo viên theo học;

c) Được tính thời gian đào tạo vào thời gian công tác liên tục;

d) Được hưởng 100% lương và các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"**Điều 12. Chế độ báo cáo**

1. Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của cơ sở giáo dục theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Nghị định này.

a) Đơn vị báo cáo: Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn;

b) Đơn vị nhận báo cáo: Cơ quan có thẩm quyền quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục theo phân cấp;

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 11 năm trước liền kề đến ngày 31 tháng 10 của năm báo cáo;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 05 tháng 11 của năm báo cáo;

đ) Phương thức gửi báo cáo: Báo cáo được thể hiện bằng văn bản điện tử bảo đảm quy định của pháp luật và được gửi về đơn vị nhận báo cáo qua hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

2. Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của cơ quan có thẩm quyền quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục theo phân cấp theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Nghị định này.

a) Đơn vị báo cáo: Cơ quan có thẩm quyền quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục theo phân cấp;

b) Đơn vị nhận báo cáo: Sở Giáo dục và Đào tạo;

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 11 năm trước liền kề đến ngày 31 tháng 10 của năm báo cáo;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 11 của năm báo cáo;

đ) Phương thức gửi báo cáo: Báo cáo được thể hiện bằng văn bản điện tử bảo đảm quy định của pháp luật và được gửi về đơn vị nhận báo cáo qua hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

3. Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 5 ban hành kèm theo Nghị định này.

a) Đơn vị báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký, ban hành;

b) Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 11 năm trước liền kề đến ngày 31 tháng 10 của năm báo cáo;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo;

đ) Phương thức gửi báo cáo: Báo cáo được thể hiện bằng văn bản điện tử bảo đảm quy định của pháp luật và được gửi về đơn vị nhận báo cáo qua hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

4. Báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều này là căn cứ để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm.

5. Ngoài chế độ báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở giáo dục gửi báo cáo về việc đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền bảo đảm quy định của pháp luật về chế độ báo cáo."

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 như sau:

"5. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, lập danh sách giáo viên phải thực hiện nâng trình độ chuẩn; xác định thời gian giáo viên tham gia đào tạo; bố trí, sắp xếp giáo viên giảng dạy và bố trí chương trình, thời khóa biểu phù hợp để giáo viên vừa làm vừa học; xây dựng kế hoạch hằng năm; bố trí kinh phí; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và rút kinh nghiệm về công tác này.

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên dân lập, tư thục."

7. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 16 như sau:

"4. Cung cấp các hóa đơn, chứng từ hợp pháp phục vụ việc thanh toán, quyết toán kinh phí đào tạo theo quy định."

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

"1. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định."

Điều 2. Bổ sung phụ lục và bãi bỏ cụm từ "hoặc đấu thầu"

1. Bổ sung phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP gồm các mẫu sau:

a) Mẫu số 1: Kế hoạch 5 năm theo lộ trình 2026 - 2030;

b) Mẫu số 2: Kế hoạch hằng năm thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

c) Mẫu số 3: Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của cơ sở giáo dục;

d) Mẫu số 4: Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của cơ quan có thẩm quyền quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục theo phân cấp;

đ) Mẫu số 5: Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Bãi bỏ cụm từ "hoặc đấu thầu" tại điểm b khoản 2 Điều 1; Điều 7; Điều 9; khoản 4 Điều 15; khoản 2 Điều 16 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

2. Những giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện nâng trình độ chuẩn đã được cấp bằng tốt nghiệp đạt yêu cầu về trình độ chuẩn được đào tạo của cấp học đang giảng dạy kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 nhưng chưa được cơ quan, đơn vị thanh toán học phí đào tạo thì được truy lĩnh, chi trả học phí đào tạo.

a) Mức tiền được truy lĩnh, chi trả bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo tại thời điểm giáo viên theo học. Mức tiền này không bao gồm chi phí thi lại và học lại.

Giáo viên mầm non theo quy định tại khoản này nếu đào tạo nâng trình độ chuẩn từ trung cấp lên đại học ngành Giáo dục mầm non thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức tiền được truy lĩnh nhưng không thấp hơn mức học phí đào tạo từ trình độ trung cấp lên cao đẳng;

b) Nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này;

c) Hồ sơ thanh toán kinh phí đào tạo gồm có giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn hoặc chứng từ thu học phí của cơ sở đào tạo, bản sao bằng tốt nghiệp có công chứng và chứng từ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật về quyết toán kinh phí. Trường hợp không có hóa đơn hoặc chứng từ thu học phí thì phải có văn bản thông báo mức học phí của cơ sở đào tạo và xác nhận của cơ sở đào tạo về số tiền đã thu;

d) Việc thanh toán kinh phí đào tạo cho giáo viên theo quy định tại khoản này hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2027.

3. Trong thời gian thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo, những giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp; đang trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp được hưởng chính sách theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

4. Đối với những địa phương đã ký hợp đồng với cơ sở đào tạo để thực hiện việc nâng trình độ chuẩn của giáo viên thông qua hình thức đấu thầu thì tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng đã ký kết.

5. Kế hoạch 5 năm theo lộ trình 2020 - 2025 đã được ban hành theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo giáo viên, đơn vị sử dụng giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Thành Long

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 311/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 1	Kế hoạch 5 năm theo lộ trình 2026 - 2030
Mẫu số 2	Kế hoạch hằng năm thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở
Mẫu số 3	Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của cơ sở giáo dục
Mẫu số 4	Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của cơ quan có thẩm quyền quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục theo phân cấp
Mẫu số 5	Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Mẫu số 1

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……/KH-BGDĐT	*Hà Nội, ngày …… tháng ..... năm 20…*

KẾ HOẠCH
Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2 (2026 - 2030)

1. Mục tiêu

2. Chỉ tiêu cụ thể

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

4. Thời gian, phương thức và kinh phí thực hiện

5. Tổ chức thực hiện

a) Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục

b) Các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

c) Các Sở Giáo dục và Đào tạo

d) Các cơ sở đào tạo giáo viên

đ) Đơn vị sử dụng giáo viên

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để p/h);
- Bộ Tài Chính (để p/h);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để phối hợp c/đ);
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ (để t/h);
- Các Sở GDĐT (để t/h);
- Các cơ sở đào tạo giáo viên (để t/h);
- Lưu: VT, …..

BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 2

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/THÀNH PHỐ…**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/KH-…	*…, ngày …… tháng …… năm 20…*

KẾ HOẠCH
Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 20…

1. Mục đích, yêu cầu

2. Dự kiến số lượng giáo viên cử đào tạo nâng trình độ chuẩn theo cấp học và theo ngành đào tạo, trình độ đào tạo (có danh sách giáo viên kèm theo)

3. Phương thức thực hiện; kinh phí, nguồn kinh phí

4. Tổ chức thực hiện

Nơi nhận: - Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c); - Sở Giáo dục và Đào tạo (để t/h); - Cơ sở giáo dục (để t/h); - …; - Lưu: VT,…	**CHỦ TỊCH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 3

TRƯỜNG ….

Số: …/BC-…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

…, ngày …… tháng …… năm 20…

BÁO CÁO
Kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn năm …

1. Kết quả đào tạo

a) Thông tin tổng hợp

STT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số lượng giáo viên theo phương thức đào tạo				Số lượng giáo viên theo trình độ đào tạo			
		Tổng	Đào tạo theo phương thức giao nhiệm vụ	Đào tạo theo phương thức đặt hàng	Tự đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo	Tổng	Từ trung cấp lên cao đẳng	Từ trung cấp lên đại học	Từ cao đẳng lên đại học
I	Đã hoàn thành đào tạo trong năm báo cáo								
	VD: Giáo dục mầm non								
	…								
II	Đang đào tạo								
1	Được cử đào tạo tại các năm trước năm báo cáo								
2	Được cử đào tạo trong năm báo cáo								
III	Tổng cộng (I+II)								

b) Danh sách cụ thể

STT	Họ và tên giáo viên	Trình độ và ngành/ chuyên ngành trước khi đào tạo nâng chuẩn	Trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo nâng chuẩn	Phương thức đào tạo (địa phương giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc giáo viên tự đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo)	Thời gian đào tạo		Học phí đào tạo (nếu giáo viên tự đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo)	
					Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành (hoặc dự kiến hoàn thành)	Đã được thanh toán	Chưa được thanh toán

2. Đăng ký nhu cầu đào tạo

a) Thông tin tổng hợp

STT	Ngành/chuyên ngành đăng ký đào tạo	Số lượng giáo viên đăng ký theo trình độ đào tạo			
		Tổng	Từ trung cấp lên cao đẳng	Từ trung cấp lên đại học	Từ cao đẳng lên đại học

b) Danh sách cụ thể

STT	Họ và tên giáo viên	Môn học đang giảng dạy (đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở)	Trình độ, ngành/ chuyên ngành đào tạo hiện tại	Trình độ, ngành/ chuyên ngành đăng ký đào tạo

3. Phương án phân công, bố trí giáo viên dạy thay

4. Khó khăn, vướng mắc

5. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

Nơi nhận:
- Sở Giáo dục và Đào tạo/Cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục theo phân cấp;
- …
- Lưu: VT,…

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 4

TÊN ĐƠN VỊ

Số: …/BC-…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

…, ngày …… tháng …… năm 20…

BÁO CÁO
Kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn năm …

1. Kết quả đào tạo

a) Thông tin tổng hợp

STT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số lượng giáo viên theo phương thức đào tạo				Số lượng giáo viên theo trình độ đào tạo			
		Tổng	Đào tạo theo phương thức giao nhiệm vụ	Đào tạo theo phương thức đặt hàng	Tự đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo	Tổng	Từ trung cấp lên cao đẳng	Từ trung cấp lên đại học	Từ cao đẳng lên đại học
A	Mầm non								
I	Đã hoàn thành đào tạo trong năm báo cáo								
	VD: Giáo dục mầm non								
	…								
II	Đang đào tạo								
1	Được cử đào tạo tại các năm trước năm báo cáo								
2	Được cử đào tạo trong năm báo cáo								
B	Tiểu học								
I	Đã hoàn thành đào tạo trong năm báo cáo								
	VD: Giáo dục tiểu học								
	VD: Sư phạm Tiếng Anh								
	…								

II	Đang đào tạo								
1	Được cử đào tạo tại các năm trước năm báo cáo								
2	Được cử đào tạo trong năm báo cáo								
C	Trung học cơ sở								
I	Đã hoàn thành đào tạo trong năm báo cáo								
	VD: Toán học								
	…								
II	Đang đào tạo								
1	Được cử đào tạo tại các năm trước năm báo cáo								
2	Được cử đào tạo trong năm báo cáo								
D	Tổng cộng (A+B+C)								

b) Danh sách cụ thể

STT	**Họ và tên giáo viên**	**Đơn vị công tác**	**Trình độ và ngành/ chuyên ngành trước khi đào tạo nâng chuẩn**	**Trình độ và ngành/ chuyên ngành đào tạo nâng chuẩn**	**Phương thức đào tạo (địa phương giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc giáo viên tự đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo)**	**Thời gian đào tạo**		**Học phí đào tạo (nếu giáo viên tự đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo)**	
						Thời gian bắt đầu	**Thời gian hoàn thành (hoặc dự kiến hoàn thành)**	**Đã được thanh toán**	**Chưa được thanh toán**
A	Mầm non								

B	Tiểu học								
C	Trung học cơ sở								

2. Đăng ký nhu cầu đào tạo

a) Thông tin tổng hợp

STT	Ngành/chuyên ngành đăng ký đào tạo	Số lượng giáo viên đăng ký theo trình độ đào tạo			
		Tổng	Từ trung cấp lên cao đẳng	Từ trung cấp lên đại học	Từ cao đẳng lên đại học

b) Danh sách cụ thể

STT	Họ và tên giáo viên	Đơn vị công tác	Môn học đang giảng dạy (đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở)	Trình độ, ngành/ chuyên ngành đào tạo hiện tại	Trình độ, ngành/ chuyên ngành đăng ký đào tạo
A	Mầm non				
B	Tiểu học				
C	Trung học cơ sở				

3. Khó khăn, vướng mắc

4. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

Nơi nhận:
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- …
- Lưu: VT,…

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 5

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/THÀNH PHỐ….**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/BC-…	*…, ngày …… tháng …… năm 20…*

BÁO CÁO
Kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm …

1. Kết quả đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên

a) Công tác chỉ đạo, điều hành; việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch năm: …

b) Công tác phối hợp giữa các đơn vị có liên quan: …

c) Thông tin chung:

Nội dung	**Tổng số**	**Mầm non**	**Tiểu học**	**Trung học cơ sở**
Tổng số giáo viên hiện có				
Số giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo				
Tỷ lệ % giáo viên đạt trình độ chuẩn được đào tạo				

d) Kinh phí đào tạo đã chi trả, nguồn kinh phí: …

đ) Kết quả đào tạo:

STT	**Ngành/chuyên ngành đào tạo**	**Số lượng giáo viên theo phương thức đào tạo**				**Số lượng giáo viên theo trình độ đào tạo**			
		Tổng	**Đào tạo theo phương thức giao nhiệm vụ**	**Đào tạo theo phương thức đặt hàng**	**Tự đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo**	**Tổng**	**Từ trung cấp lên cao đẳng**	**Từ trung cấp lên đại học**	**Từ cao đẳng lên đại học**
A	Mầm non								
I	Đã hoàn thành đào tạo trong năm báo cáo								

II	Đang đào tạo								
1	Được cử đào tạo tại các năm trước năm báo cáo								
2	Được cử đào tạo trong năm báo cáo								
B	Tiểu học								
I	Đã hoàn thành đào tạo trong năm báo cáo								
II	Đang đào tạo								
1	Được cử đào tạo tại các năm trước năm báo cáo								
2	Được cử đào tạo trong năm báo cáo								
C	Trung học cơ sở								
I	Đã hoàn thành đào tạo trong năm báo cáo								
II	Đang đào tạo								
1	Được cử đào tạo tại các năm trước năm báo cáo								
2	Được cử đào tạo trong năm báo cáo								
D	Tổng cộng (A+B+C)								

2. Đánh giá việc thực hiện

- Thuận lợi

- Khó khăn

3. Nhu cầu đào tạo năm tiếp theo

- Dự kiến kinh phí thực hiện đào tạo, nguồn kinh phí.

- Dự kiến về số lượng đào tạo theo cấp học, trình độ đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo

STT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số lượng giáo viên dự kiến tham gia đào tạo					Phương thức đào tạo
		Mầm non	Tiểu học			THCS	
			Tổng số	Đào tạo từ trung cấp lên đại học	Đào tạo từ cao đẳng lên đại học		

4. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (để t/h);
- …;
- Lưu: VT,…

CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)